

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/01/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ C, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Xuân B, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ C, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hiện đang chấp hành án tại: P, Trại giam A đóng trên địa bàn xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Vũ Xuân B chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/9/2016, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông Bình thường x chửi bới, đánh đập bà T thậm tệ, ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, ông B chỉ quan tâm đến những thú vui của riêng mình, ông B đánh bạc bị Tòa án xét xử và đi chấp hành án từ năm 2018; ông, bà đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Hiện nay, ông B đang chấp hành án tại phân trại số D Trại giam A đóng trên địa bàn xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông Vũ Xuân B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017, hiện con chung đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn thì bà T xin được nuôi con chung, hiện nay ông B đang chấp hành án, không có công việc, không có thu nhập, nên bà T không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà T đang làm công ty, có ký hợp lao động, thu nhập mỗi tháng là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), bà T đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Vũ Xuân B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Thủy c sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là ông chơi cá độ, bị xét xử và đi chấp hành án nên vợ chồng sống ly thân với nhau. Do ông còn thương yêu vợ con, ông mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017, hiện con đang sống cùng với bà T. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý cho bà T nuôi con, sau khi chấp hành án xong thì ông sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà T kiên quyết ly hôn, ông B không đồng ý ly hôn nhưng hiện nay ông B đang đi chấp hành án, không có biện pháp để xây dựng gia đình hạnh phúc. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Vũ Xuân B; về con chung: Con chung Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017 hiện đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông B cũng đồng ý cho bà T nuôi con nên đề nghị HĐXX giao con chung Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017 cho bà T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án

nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông Vũ Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Vũ Xuân B là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 23/9/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông Bình thường x chửi bới, đánh đập bà T thậm tệ, ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, ông B chỉ quan tâm đến những thú vui của riêng mình, ông B đánh bạc bị Tòa án xét xử và đi chấp hành án tù năm 2018; ông, bà đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay bà T kiên quyết ly hôn với ông B.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 06/12/2022 đại diện chính quyền địa phương thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do nguyên đơn và bị đơn giải quyết nội bộ với nhau, không yêu cầu địa phương giải quyết, hiện nay ông B đang đi chấp hành án.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông Vũ Xuân B đã trầm trọng. Ông B không đồng ý ly hôn nhưng hiện tại ông B đang đi chấp hành án, ông B không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà T cũng không muốn quay về sống chung với ông B. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017, hiện con chung đang sống cùng bà T, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung, vì ông B đang chấp hành án, nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông B đồng ý cho bà T nuôi con nên HĐXX giao con chung Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn ông Vũ Xuân B về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Vũ Xuân B.
2. Về con chung: Giao con chung Vũ Phạm Xuân T1, sinh ngày 11/4/2017 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Vũ Xuân B. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0008626 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa